



TRƯỜNG THPT VŨ LỄ

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN SINH HỌC 12
HỌC KỲ 2****TỔ: SINH – HÓA – TD – NN****Câu 1:** Phát biểu nào sau đây về chọn lọc tự nhiên là **không đúng**?

- A. Chọn lọc tự nhiên tạo nên các kiểu gen giúp sinh vật thích nghi.
- B. Chọn lọc tự nhiên trực tiếp làm thay đổi tần số alen của quần thể.
- C. Chọn lọc tự nhiên làm thay đổi giá trị thích ứng của kiểu gen.
- D. Chọn lọc tự nhiên sàng lọc, giữ lại những biến dị có lợi.

Câu 2. Người và tinh tinh khác nhau, nhưng thành phần axit amin ở chuỗi β Hb như nhau chứng tỏ cùng nguồn gốc thì gọi là

- A. bằng chứng giải phẫu so sánh.
- B. bằng chứng phôi sinh học.
- C. bằng chứng địa lí sinh học.
- D. bằng chứng sinh học phân tử.

Câu 3. Theo Đacuyn, sự hình thành nhiều giống vật nuôi, cây trồng trong mỗi loài xuất phát từ một hoặc vài dạng tổ tiên hoang dại là kết quả của quá trình

- A. phân li tính trạng trong chọn lọc nhân tạo.
- B. phân li tính trạng trong chọn lọc tự nhiên.
- C. tích lũy những biến dị có lợi, đào thải những biến dị có hại đối với sinh vật.
- D. phát sinh các biến dị cá thể.

Câu 4: cho các tập hợp các cá thể sau:

- 1. Cỏ dại trong vườn.
- 2. Rừng Hối ở Văn Quan.
- 3. Cá trong đập Tam Hoa
- 4. Đàn chim sẻ trong rừng
- 5. Đới chim bồ câu

Tập hợp sinh vật nào là quần thể sinh vật?

- A. 1, 2, 3.
- B. 2, 4.
- C. 2, 4, 5
- D. 3, 4, 5.

Câu 5: Tiến hoá lớn là quá trình

- A. hình thành các nhóm phân loại trên loài.
- B. hình thành loài mới.
- C. biến đổi kiểu hình của quần thể dẫn tới sự hình thành loài mới.
- D. biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể dẫn tới sự hình thành các nhóm phân loại trên loài.

Câu 6: Một số loài thực vật có hiện tượng rụng lá vào ban đêm có tác dụng:

- A. hạn chế sự thoát hơi nước
- B. tăng cường tích lũy chất hữu cơ
- C. giảm tiếp xúc với môi trường
- D. tránh sự phá hoại củ sâu bọ.

Câu 7. Núi lửa lấp đầy một hồ nước ngọt. Sau một thời gian, cỏ cây mọc lên, dần trở thành một khu rừng nhỏ ngày trên chỗ trước kia là hệ sinh thái nước đứng. Đó là:



- A. diễn thế nguyên sinh B. diễn thế thứ sinh C. diễn thế phân huỷ D. biến đổi tiếp theo

Câu 8: Có các loại môi trường phổ biến là:

- A. môi trường đất, môi trường nước, môi trường trên cạn, môi trường sinh vật.
B. môi trường đất, môi trường nước, môi trường trên cạn, môi trường bên trong.
C. môi trường đất, môi trường nước, môi trường trên cạn, môi trường ngoài.
D. môi trường đất, môi trường nước ngọt, môi trường nước mặn và môi trường trên cạn.

Câu 9: Quan hệ hỗ trợ trong quần thể là:

- A. mối quan hệ giữa các cá thể sinh vật trong một vùng hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động sống.
B. mối quan hệ giữa các cá thể sinh vật giúp nhau trong các hoạt động sống.
C. mối quan hệ giữa các cá thể cùng loài hỗ trợ nhau trong việc di cư do mùa thay đổi.
D. mối quan hệ giữa các cá thể cùng loài hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động sống.

Câu 10: Thích nghi với điều kiện chiếu sáng khác nhau, người ta chia động vật thành những nhóm nào?

- A. Nhóm động vật ưa hoạt động ban ngày. B. Nhóm động vật ưa hoạt động ban đêm.
C. Nhóm động vật ưa hoạt động ban ngày và nhóm động vật ưa hoạt động ban đêm.
D. Nhóm động vật ưa hoạt động vào lúc chiều tối.

Câu 11: Nhóm cá thể nào dưới đây là một quần thể?

- A. Cây cỏ ven bờ B. Đàn cá rô trong ao. C. Cá chép và cá vàng trong bể cá cảnh D. Cây trong vườn

Câu 12: Từ quần thể cây $2n$, người ta tạo được quần thể cây $4n$, có thể xem quần thể cây $4n$ là một loài mới vì quần thể cây $4n$

- A. có sự khác biệt với quần thể cây $2n$ về số NST. B. không thể giao phấn với cây của quần thể $2n$.
C. giao phối được với các cây của quần thể cây $2n$ cho ra cây lai bất thụ.
D. có đặc điểm hình thái, kích thước các cơ quan sinh dưỡng lớn hơn hẳn cây của quần thể $2n$

Câu 13: Khi số lượng cá thể của quần thể ở mức cao nhất để quần thể có khả năng duy trì phù hợp nguồn sống thì gọi là:

- A. kích thước tối thiểu. B. kích thước tối đa. C. kích thước bất ổn. D. kích thước phát tán.

Câu 14: Câu nào **không đúng** trong số các câu sau?

- A. Ánh sáng là một nhân tố sinh thái. B. Ánh sáng là nhân tố sinh thái vô sinh.
C. Ánh sáng chỉ ảnh hưởng tới thực vật mà không ảnh hưởng gì tới động vật.
D. Mỗi loài cây thích nghi với điều kiện chiếu sáng nhất định.



Câu 15: Ví dụ về mối quan hệ cạnh tranh là:

- A. giun sán sống trong cơ thể lợn. B. các loài cỏ dại và lúa cùng sống trên ruộng đồng.
C. khuẩn lam thường sống cùng với nhiều loài động vật xung quanh. D. thỏ và chó sói sống trong rừng.

Câu 16: Loài lúa mì trồng hiện nay được hình thành trên cơ sở:

- A. sự cách li địa lí giữa lúa mì châu Âu và lúa mì châu Mỹ. B. kết quả của quá trình lai xa khác loài.
C. kết quả của tự đa bội $2n$ thành $4n$ của loài lúa mì. D. kết quả của quá trình lai xa và đa bội hoá nhiều lần.

Câu 17: Lượng khí CO_2 tăng cao do nguyên nhân nào sau đây:

- A. hiệu ứng “nhà kính” B. trồng rừng và bảo vệ môi trường
C. sự phát triển công nghiệp và giao thông vận tải D. sử dụng các nguồn nguyên liệu mới như: gió, thủy triều,...

Câu 18: Điều nào sau đây **không đúng** với diễn thế thứ sinh?

- A. Một quần xã mới phục hồi thay thế quần xã bị huỷ diệt.
B. Trong điều kiện không thuận lợi và qua quá trình biến đổi lâu dài, diễn thế thứ sinh có thể hình thành nên quần xã tương đối ổn định.
C. Trong điều kiện thuận lợi, diễn thế thứ sinh có thể hình thành nên quần xã tương đối ổn định.
D. Trong thực tế thường bắt gặp nhiều QX có khả năng phục hồi rất thấp mà hình thành quần xã bị suy thoái.

Câu 19: Tác động của vi khuẩn nitrát hóa là:

- A. cố định nitơ trong đất thành dạng đạm nitrát (NO_3^-). B. cố định nitơ trong nước thành dạng đạm nitrát (NO_3^-).
C. biến đổi nitrit (NO_2^-) thành nitrát (NO_3^-). D. biến đổi nitơ trong khí quyển thành dạng đạm nitrát (NO_3^-).

Câu 20: Bảo vệ đa dạng sinh học là

- A. bảo vệ sự phong phú về nguồn gen và nơi sống của các loài B. bảo vệ sự phong phú về nguồn gen và về loài
C. bảo vệ sự phong phú về nguồn gen, về loài và các hệ sinh thái
D. bảo vệ sự phong phú về nguồn gen, các mối quan hệ giữa các loài trong hệ sinh thái

Câu 21: Đồng ruộng, hồ nước, rừng trồng, thành phố, ... là những ví dụ về:

- A. Hệ sinh thái trên cạn. B. Hệ sinh thái nước ngọt. C. Hệ sinh thái tự nhiên. D. Hệ sinh thái nhân tạo.

Câu 22: Dòng năng lượng trong các hệ sinh thái được truyền theo con đường phổ biến là



A. năng lượng ánh sáng mặt trời → sinh vật tự dưỡng → sinh vật dị dưỡng → năng lượng trở lại môi trường

B. năng lượng ánh sáng mặt trời → sinh vật tự dưỡng → sinh vật sản xuất → năng lượng trở lại môi trường

C. năng lượng ánh sáng mặt trời → sinh vật tự dưỡng → sinh vật ăn thực vật → năng lượng trở lại môi trường

D. năng lượng ánh sáng mặt trời → sinh vật tự dưỡng → sinh vật ăn động vật → năng lượng trở lại môi trường

Câu 23: Bể cá cảnh được gọi là:

A. Hệ sinh thái nhân tạo. B. Hệ sinh thái “khép kín”. C. Hệ sinh thái vi mô. D. Hệ sinh thái tự nhiên.

Câu 24: Ở động vật hằng nhiệt (đồng nhiệt) sống ở vùng ôn đới lạnh có:

A. các phần thò ra (tai, đuôi) to ra, còn kích thước cơ thể lớn hơn so với những loài tương tự sống ở vùng nhiệt đới.

B. các phần thò ra nhỏ lại, còn kích thước cơ thể nhỏ hơn so với những loài tương tự sống ở vùng nhiệt đới.

C. các phần thò ra nhỏ lại, còn kích thước cơ thể lại lớn hơn so với những loài tương tự sống ở vùng nhiệt đới.

D. các phần thò ra (tai, đuôi) to ra, còn kích thước cơ thể nhỏ hơn so với những loài tương tự sống ở vùng nhiệt đới.

Câu 25: Nitrơ phân tử được trả lại cho đất, nước và bầu khí quyển nhờ hoạt động của nhóm sinh vật nào:

A. VK nitrat hóa. B. VK phản nitrat hóa. C. VK nitrit hóa.

D. VK cố định nitơ trong đất.

Câu 26: Hệ sinh thái nào sau đây cần bón thêm phân, tưới nước và diệt cỏ dại:

A. hệ sinh thái nông nghiệp

B. hệ sinh thái ao hồ

C. hệ sinh thái trên cạn

D. hệ sinh thái savan

đồng cỏ

Câu 27: Để cải tạo đất nghèo đạm, nâng cao năng suất cây trồng người ta sử dụng biện pháp sinh học nào?

A. trồng các cây họ Đậu B. trồng các cây lâu năm C. trồng các cây một năm D. bổ sung phân đạm hóa học.

Câu 28: Hậu quả của việc gia tăng nồng độ khí CO₂ trong khí quyển là:

A. làm cho bức xạ nhiệt trên Trái đất dễ dàng thoát ra ngoài vũ trụ B. tăng cường chu trình cacbon trong hệ sinh thái

C. kích thích quá trình quang hợp của sinh vật sản xuất

D. làm cho Trái đất nóng lên, gây thêm nhiều thiên tai

Câu 29: Con mối mới nở “liếm” hậu môn đồng loại để tự tẩy trùng roi Trichomonas. Trùng roi có enzym phân giải được xelulôzơ ở gỗ mà mối ăn. Quan hệ này giữa mối và trùng roi là:



- A. cộng sinh . B. hội sinh. C. hợp tác. D. kí sinh.

Câu 30: Dòng năng lượng trong hệ sinh thái được thực hiện qua:

- A. quan hệ dinh dưỡng của các sinh vật trong chuỗi thức ăn.
B. quan hệ dinh dưỡng giữa các sinh vật cùng loài trong quần xã.
C. quan hệ dinh dưỡng của các sinh vật cùng loài và khác loài.
D. quan hệ dinh dưỡng và nơi ở của các sinh vật trong quần xã.

Câu 31: Cho các mối quan hệ sinh thái sau:

1. Rắn đuôi chuông – sóc đất 2. Tảo lục – nấm sợi. 3. Vi khuẩn Rhizobium – cây đậu tương
4. Trùng roi – môi 5. Chim điều hâu – chim sẻ.

Quan hệ cộng sinh:

- A. 1, 2, 3. B. 1, 3, 5. C. 2, 3, 4, 5 D. 2, 3, 4.

Câu 32: Năng lượng được chuyển cho bậc dinh dưỡng sau từ bậc dinh dưỡng trước nó khoảng bao nhiêu %?

- A.10% B.50% C.70% D.90%

Câu 33: Biện pháp nào sau đây không có tác dụng bảo vệ tài nguyên rừng

- A. ngăn chặn thực hiện nạn phá rừng, tích cực trồng rừng B. xây dựng hệ thống các khu bảo vệ thiên nhiên
C. vận động đồng bào dân tộc sống trong rừng định canh, định cư
D. chống xói mòn, khô hạn, ngập úng và chống mặn cho đất

Câu 34: Sử dụng chuỗi thức ăn sau để xác định hiệu suất sinh thái của sinh vật tiêu thụ bậc 1 so với sinh vật sản xuất: Sinh vật sản xuất ($2,1 \cdot 10^6$ calo) $\rightarrow$ sinh vật tiêu thụ bậc 1 ($1,2 \cdot 10^4$ calo) $\rightarrow$ sinh vật tiêu thụ bậc 2 ($1,1 \cdot 10^2$ calo) $\rightarrow$ sinh vật tiêu thụ bậc 3 ($0,5 \cdot 10^2$ calo)

- A.0,57% B.0,92% C.0,0052% D.45,5%

Câu 35: Lưới thức ăn và bậc dinh dưỡng được xây dựng nhằm:

- A. mô tả quan hệ dinh dưỡng giữa các loài trong quần xã
B. mô tả quan hệ dinh dưỡng giữa các sinh vật cùng loài trong quần xã
C. mô tả quan hệ dinh dưỡng giữa các loài trong quần thể
D. mô tả quan hệ dinh dưỡng và nơi ở giữa các loài trong quần xã

Câu 36: Cơ quan tương đồng là những cơ quan

- A. có nguồn gốc khác nhau nhưng đảm nhiệm những chức phận giống nhau, có hình thái tương tự.
B. cùng nguồn gốc, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có thể thực hiện các chức năng khác nhau.



C. cùng nguồn gốc, đảm nhiệm những chức phận giống nhau.

D. có nguồn gốc khác nhau, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau.

Câu 37. Cơ quan tương tự là những cơ quan

A. có nguồn gốc khác nhau nhưng đảm nhiệm những chức phận giống nhau, có hình thái tương tự.

B. cùng nguồn gốc, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau.

C. cùng nguồn gốc, đảm nhiệm những chức phận giống nhau.

D. có nguồn gốc khác nhau, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau.

Câu 38: Đặc điểm nào sau đây là minh chứng rằng trong tiến hóa thì ARN là tiền thân của axitnuclêic mà không phải là ADN?

A. ARN chỉ có 1 mạch.

B. ARN có loại bazơ nitơ Uaxin.

C. ARN nhân đôi mà không cần đến enzim.

D. ARN có khả năng sao mã ngược.

Câu 39: Vượn người ngày nay bao gồm những dạng nào?

A. Vượn, Đười ươi, khỉ.

B. Vượn, Đười ươi, Gôrila, tinh tinh.

C. Đười ươi, Khỉ Pan, Gôrila.

D. Vượn, Gôrila, khỉ đột, Tinh tinh.

Câu 40: Mật độ cá thể của quần thể có ảnh hưởng tới:

A. khối lượng nguồn sống trong môi trường phân bố của quần thể.

B. mức độ sử dụng nguồn sống, khả năng sinh sản và tử vong của quần thể.

C. hình thức khai thác nguồn sống của quần thể.

D. tập tính sống bầy đàn và hình thức di cư của các cá thể trong quần thể.

Câu 41. Trong tiến hóa các cơ quan tương đồng có ý nghĩa phản ánh

A. sự tiến hoá phân li.

B. sự tiến hoá đồng quy.

C. sự tiến hoá song hành.

D. phản ánh nguồn gốc chung.

Câu 42. Cá và gà khác hẳn nhau, nhưng có những giai đoạn phôi thai tương tự nhau, chứng tỏ chúng cùng tổ tiên xa thì gọi là

A. Bằng chứng giải phẫu so sánh.

B. bằng chứng phôi sinh học.

C. bằng chứng địa lí - sinh học.

D. bằng chứng sinh học phân tử.

Câu 43. Theo Đacuyn, nhân tố chính quy định chiều hướng và tốc độ biến đổi của các giống vật nuôi, cây trồng là: **A. chọn lọc nhân tạo.** B. chọn lọc tự nhiên. C. biến dị cá thể. D. biến dị xác định.

Câu 44. Theo quan niệm của Đacuyn, chọn lọc tự nhiên tác động thông qua đặc tính di truyền và biến dị là nhân tố chính trong quá trình hình thành



A. các đặc điểm thích nghi trên cơ thể sinh vật và sự hình thành loài mới.

B. những biến dị cá thể.

C. các giống vật nuôi và cây trồng năng suất cao.
loài.

D. nhiều giống, thứ mới trong phạm vi một

Câu 45. Tiến hoá nhỏ là quá trình

A. hình thành các nhóm phân loại trên loài.

B. biến đổi cấu trúc di truyền của quần thể dẫn tới sự hình thành loài mới.

C. biến đổi kiểu hình của quần thể dẫn tới sự hình thành loài mới.

D. biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể dẫn tới sự biến đổi kiểu hình.

Câu 46. Theo quan niệm hiện đại, đơn vị cơ sở của tiến hóa là

A. cá thể.

B. quần thể.

C. loài.

D. phân tử.

Câu 47. Nhân tố có thể làm biến đổi tần số alen của quần thể một cách nhanh chóng, đặc biệt khi kích thước quần thể nhỏ bị giảm đột ngột là

A. đột biến.

B. di nhập gen.

C. các yếu tố ngẫu nhiên

D. giao phối không ngẫu nhiên.

Câu 48. Dấu hiệu chủ yếu để kết luận 2 cá thể chắc chắn thuộc 2 loài sinh học khác nhau là

A. chúng cách li sinh sản với nhau.

B. chúng sinh ra con bất thụ.

C. chúng không cùng môi trường.

D. chúng có hình thái khác nhau.

Câu 49. Cách li trước hợp tử là

A. trở ngại ngăn cản con lai phát triển.

B. trở ngại ngăn cản tạo thành giao tử.

C. trở ngại ngăn cản sự thụ tinh.

D. trở ngại ngăn cản con lai hữu thụ.

Câu 50. Lừa lai với ngựa sinh ra con lai không có khả năng sinh sản. Hiện tượng này biểu hiện cho

A. cách li trước hợp tử.

B. cách li sau hợp tử.

C. cách li tập tính.

D. cách li mùa vụ.

Câu 51. Con đường hình thành loài nhanh nhất và phổ biến là bằng con đường

A. địa lí.

B. sinh thái.

C. lai xa và đa bội hoá.

D. các đột biến lớn.

Câu 52. Nếu cho rằng chuối nhà $3n$ có nguồn gốc từ chuối rừng $2n$ thì cơ chế hình thành chuối nhà được giải thích bằng chuỗi các sự kiện như sau:

1. Thụ tinh giữa giao tử n và giao tử $2n$

2. Tế bào $2n$ nguyên phân bất thường cho cá thể $3n$

3. Cơ thể $3n$ giảm phân bất thường cho giao tử $2n$

4. Hợp tử $3n$ phát triển thành thể tam bội

5. Cơ thể $2n$ giảm phân bất thường cho giao tử $2n$

A. $5 \rightarrow 1 \rightarrow 4$

B. $4 \rightarrow 3 \rightarrow 1$

C. $3 \rightarrow 1 \rightarrow 4$

D. $1 \rightarrow 3 \rightarrow 4$

Câu 53: Dạng cách li quan trọng nhất để phân biệt hai loài là cách li



A. sinh thái.

B. tập tính.

C. địa lí.

D. sinh sản.

Câu 54: Sự tương tác giữa các đại phân tử nào dẫn đến hình thành sự sống?

A. Prôtêin - Prôtêin.

B. Prôtêin - axitnuclêic.

C. Prôtêin - saccarit.

D. Prôtêin - saccarit - axitnuclêic.

Câu 55: Tiến hóa hóa học là quá trình tổng hợp

A. các chất hữu cơ từ các chất vô cơ theo phương thức hóa học.

B. các chất hữu cơ từ các chất vô cơ theo phương thức sinh học.

C. các chất vô cơ từ các chất hữu cơ theo phương thức sinh học.

D. các chất vô cơ từ các chất hữu cơ theo phương thức hóa học.

Câu 56: Kết quả của tiến hoá tiền sinh học là

A. hình thành các tế bào sơ khai.

B. hình thành chất hữu cơ phức tạp.

C. hình thành sinh vật đa bào.

D. hình thành hệ sinh vật đa dạng phong phú như ngày nay.

Câu 57: Các kiểu hệ sinh thái trên Trái Đất được phân chia theo nguồn gốc bao gồm:

A. Hệ sinh thái trên cạn và hệ sinh thái dưới nước. **B. Hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh thái nhân tạo.**

C. Hệ sinh thái nước mặn và hệ sinh thái nước ngọt.

D. Hệ sinh thái nước mặn và hệ sinh thái trên cạn.

Câu 58: Vì sao loài ưu thế đóng vai trò quan trọng trong quần xã?

A. Vì có số lượng cá thể nhiều, sinh khối lớn, có sự cạnh tranh mạnh.

B. Vì có số lượng cá thể nhiều, sinh khối lớn, hoạt động mạnh.

C. Vì tuy có số lượng cá thể nhỏ, nhưng hoạt động mạnh.

D. Vì tuy có sinh khối nhỏ nhưng hoạt động mạnh.

Câu 59: Nhân tố vô sinh bao gồm tất cả:

A. nhân tố vật lí, nhân tố hóa học của môi trường xung quanh sinh vật.

B. tác động của các sinh vật khác lên cơ thể sinh vật.

C. tác động trực tiếp hay gián tiếp của tự nhiên lên cơ thể sinh vật.

D. các yếu tố sống của tự nhiên có ảnh hưởng đến cơ thể sinh vật.

Câu 60: Dấu hiệu chủ yếu để kết luận 2 cá thể chắc chắn thuộc 2 loài sinh học khác nhau là:

A. chúng cách li sinh sản với nhau.

B. chúng sinh ra con bất thụ.

C. chúng không cùng môi trường.

D. chúng có hình thái khác nhau.

Câu 61: Trình tự các giai đoạn của tiến hoá:



- A. Tiến hoá hoá học - tiến hoá tiền sinh học- tiến hoá sinh học
 B. Tiến hoá hoá học - tiến hoá sinh học- tiến hoá tiền sinh học
 C. Tiến hoá tiền sinh học- tiến hoá hoá học - tiến hoá sinh học
 D. Tiến hoá hoá học - tiến hoá tiền sinh học

Câu 62. Khí quyển nguyên thủy không có (hoặc có rất ít) chất

- A. H_2 **B. O_2** C. N_2 , D. NH_3

Câu 63. Dựa vào những biến đổi về địa chất, khí hậu, sinh vật. Người ta chia lịch sử trái đất thành các đại theo thời gian từ trước đến nay là

- A. đại thái cổ, đại nguyên sinh, đại cổ sinh, đại trung sinh, đại tân sinh.**
 B. đại thái cổ, đại cổ sinh, đại trung sinh đại nguyên sinh, đại tân sinh.
 C. đại cổ sinh, đại nguyên sinh, đại thái cổ, đại trung sinh, đại tân sinh.
 D. đại thái cổ, đại nguyên sinh, đại trung sinh, đại cổ sinh, đại tân sinh.

Câu 64. Trình tự các kỉ sớm đến muộn trong đại cổ sinh là

- A. cambri => silua => đêvôn => pecmi => cacbon => ocdôvic
 B. cambri => silua => cacbon => đêvôn => pecmi => ocdôvic
 C. cambri => silua => pecmi => cacbon => đêvôn => ocdôvic
D. cambri => ocdôvic => silua => đêvôn => cacbon => pecmi

Câu 65. Ý nghĩa của hoá thạch là

- A. bằng chứng trực tiếp về lịch sử phát triển của sinh giới.**
 B. bằng chứng gián tiếp về lịch sử phát triển của sinh giới.
 C. xác định tuổi của hoá thạch có thể xác định tuổi của quả đất.
 D. xác định tuổi của hoá thạch bằng đồng vị phóng xạ.

Câu 66. Khi nói về sự phát sinh loài người, điều nào sau đây **không** đúng?

- A. Loài người xuất hiện vào đầu kỉ đệ tứ ở đại tân sinh. **B. Vượn người ngày nay là tổ tiên của loài người.**
 C. Chọn lọc tự nhiên đóng vai trò quan trọng trong giai đoạn tiến hóa từ vượn người thành người.
 D. Có sự tiến hóa văn hóa trong xã hội loài người.

Câu 67. Đặc điểm nào dưới đây **không** có ở cây ưa sáng?

- A. Chịu được ánh sáng mạnh. **B. Có phiến lá mỏng, ít hoặc không có mô giậu.**
 C. Lá xếp nghiêng. D. Mọc ở nơi quang đãng hoặc ở tầng trên của tán rừng.



Câu 68. Đặc điểm nào dưới đây **không** có ở cây ưa bóng?

A. Phiến lá dày, mô giậu phát triển.

B. Mọc dưới bóng của cây khác.

C. Lá nằm ngang.

D. Thu được nhiều tia sáng tán xạ.

Câu 69. Cá rô phi nuôi ở Việt Nam có các giá trị giới hạn dưới và giới hạn trên về nhiệt độ lần lượt là $5,6^{\circ}\text{C}$ và 42°C . Khoảng giá trị nhiệt độ từ $5,6^{\circ}\text{C}$ đến 42°C được gọi là

A. khoảng gây chết.

B. khoảng thuận lợi.

C. khoảng chống chịu.

D. **giới hạn sinh thái.**

Câu 70. Trong các nhân tố vô sinh tác động lên đời sống của sinh vật, nhân tố có vai trò cơ bản là:

A. ánh sáng.

B. nhiệt độ.

C. độ ẩm

D. gió.

Câu 71. Đối với mỗi nhân tố sinh thái, các loài khác nhau

A. **có giới hạn sinh thái khác nhau.**

B. có giới hạn sinh thái giống nhau.

C. lúc thì có giới hạn sinh thái khác nhau, lúc thì có giới hạn sinh thái giống nhau.

D. Có phản ứng như nhau khi nhân tố sinh thái biến đổi.

Câu 72. Một số loài cây cùng loài sống gần nhau có hiện tượng rễ của chúng nối với nhau. Hiện tượng này thể hiện ở mối quan hệ:

A. cạnh tranh cùng loài.

B. hỗ trợ khác loài.

C. cộng sinh.

D. **hỗ trợ cùng loài.**

Câu 73. Ăn thịt đồng loại xảy ra do:

A. tập tính của loài.

B. con non không được bố mẹ chăm sóc.

C. mật độ của quần thể tăng.

D. **quá thiếu thức ăn.**

Câu 74: Các cực trị của kích thước quần thể là gì?

1. Kích thước tối thiểu.

2. Kích thước tối đa.

3. Kích thước trung bình.

4. Kích thước vừa phải.

Phương án đúng là:

A. 1, 2, 3.

B. **1, 2.**

C. 2, 3, 4.

D. 3, 4.

Câu 75: Bảo vệ đa dạng sinh học là

A. bảo vệ sự phong phú về nguồn gen và nơi sống của các loài

B. bảo vệ sự phong phú về nguồn gen và về loài

C. **bảo vệ sự phong phú về nguồn gen, về loài và các hệ sinh thái**

D. bảo vệ sự phong phú về nguồn gen, các mối quan hệ giữa các loài trong hệ sinh thái

Chúc các em thi tốt !



Vững vàng nền tảng, Khai sáng tương lai

Website **HOC247** cung cấp một môi trường **học trực tuyến** sinh động, nhiều **tiện ích thông minh**, nội dung bài giảng được biên soạn công phu và giảng dạy bởi những **giáo viên nhiều năm kinh nghiệm, giỏi về kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng sư phạm** đến từ các trường Đại học và các trường chuyên danh tiếng.

I. Luyện Thi Online

Học mọi lúc, mọi nơi, mọi thiết bị – Tiết kiệm 90%

- **Luyện thi ĐH, THPT QG:** Đội ngũ **GV Giỏi, Kinh nghiệm** từ các Trường ĐH và THPT danh tiếng xây dựng các khóa **luyện thi THPTQG** các môn: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Vật Lý, Hóa Học và Sinh Học.
- **Luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán:** Ôn thi **HSG lớp 9** và **luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán** các trường *PTNK, Chuyên HCM (LHP-TĐN-NTH-GĐ), Chuyên Phan Bội Châu Nghệ An* và các trường Chuyên khác cùng *TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Trịnh Thanh Đèo và Thầy Nguyễn Đức Tấn*.

II. Khoá Học Nâng Cao và HSG

Học Toán Online cùng Chuyên Gia

- **Toán Nâng Cao THCS:** Cung cấp chương trình Toán Nâng Cao, Toán Chuyên dành cho các em HS THCS lớp 6, 7, 8, 9 yêu thích môn Toán phát triển tư duy, nâng cao thành tích học tập ở trường và đạt điểm tốt ở các kỳ thi HSG.
- **Bồi dưỡng HSG Toán:** Bồi dưỡng 5 phân môn **Đại Số, Số Học, Giải Tích, Hình Học và Tổ Hợp** dành cho học sinh các khối lớp 10, 11, 12. Đội ngũ Giảng Viên giàu kinh nghiệm: *TS. Lê Bá Khánh Trình, TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Lưu Bá Thắng, Thầy Lê Phúc Lữ, Thầy Võ Quốc Bá Cẩn* cùng đội HLV đạt thành tích cao HSG Quốc Gia.

III. Kênh học tập miễn phí

*HOC247 NET cộng đồng học tập miễn phí
HOC247 TV kênh Video bài giảng miễn phí*

- **HOC247 NET:** Website học miễn phí các bài học theo **chương trình SGK** từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn học với nội dung bài giảng chi tiết, sửa bài tập SGK, luyện tập trắc nghiệm miễn phí, kho tư liệu tham khảo phong phú và cộng đồng hỏi đáp sôi động nhất.
- **HOC247 TV:** Kênh **Youtube** cung cấp các Video bài giảng, chuyên đề, ôn tập, sửa bài tập, sửa đề thi miễn phí từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn Toán- Lý - Hoá, Sinh- Sử - Địa, Ngữ Văn, Tin Học và Tiếng Anh.